

WEEK: 03

PERIOD: 07

UNIT 1: HOME

PAGE 12

*** Vocabulary:**

1	center	(n)	Trung tâm
2	city	(v)	Thành phố
3	east	(n)	Phía đông
4	north	(n)	Phía bắc
5	south	(n)	Phía nam
6	town	(n)	Thị trấn, thị xã
7	village	(n)	Ngôi làng
8	west	(n)	Phía tây

*** Answer the questions:** Write the words in the boxes on the map. Listen and repeat(
Phần a: new word trang 12)



Now, read the descriptions and write the underlined words under each picture (*Phần b: new word trang 12)*



Listen to a boy talking about his hometown. Does he like living there? Yes/No.

(Phần a: listening trang 12)

Đáp án: Yes, he does.

Listen and circle "True" or "False." (Phần b: listening trang 12)

Đáp án 1 – True 2 – False 3 – False 4 - True

Nội dung bài nghe

Hi, everyone. My name is Luca. I live in a small village on Burano Island. It's in the north of Italy, about nine kilometers from Venice. You have to take a ferry to get here. It isn't a big village, fewer than three thousand people live here. Burano is famous for its brightly painted houses. My house is bright yellow. A lot of tourists come here to take photos and buy souvenirs. Here we have warm summers and very cold winters. I love my village. It's the best place in the world.

II. Homework:

1. Learn by heart all the new words and structure
2. Prepare period 8 page 13

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

1. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I:	1. 2. 3.
Mục II:	

2. Một số lưu ý

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Thầy Phước: 0985366733. Thầy Chuẩn: 0376791259. Cô Đào: 0978906973

Cô Đào: 0978906973. Cô Duyên: 0988658549. Cô Quyên: 0976014868

Hoặc gửi lại cho người phát tài liệu.

WEEK: 03

PERIOD: 8

UNIT 1: HOME

PAGE 13

*** Vocabulary:**

1. Mekong Delta: đồng bằng Sông Cửu Long ,
2. grow (v) trồng trọt
3. vegetables(v) rau, củ, quả
4. different (a) khác
5. important (a) quan trọng
6. business (n): việc kinh doanh
7. transportation (n) vận tải

*** Answer the questions:**

Trả lời câu hỏi phần reading trang 13

1. Where is Can Tho? It is in the South of Viet Nam
2. What is it famous for? Floating market and beautiful rivers.
3. What's the weather like? The weather is hot
4. What do the farmers grow? Rice, vegetables and different fruit
5. Is Can Tho a big city? Yes, it is

Fill in the table with their our information.(phần writing trang 13)

My hometown	
What / name / town?	My hometown is.....
Where / hometown?	
Is / town / city?	
What / famous for?	
What / weather like?	
What / like about it?	

*** Grammar:**

Present simple – Review (Where is....? Is it....? What's it famous for?)

II. Exercises:

Write a paragraph about your hometown (40-50 words)

Viết đoạn văn về quê nhà của bạn(40-50 từ)

- Dựa vào bảng phân writing trang 13. Sử dụng thì hiện tại đơn để viết thành câu tạo thành đoạn văn.

Example: My hometown is My Tho. It is a city of Ben Tre province.....

III. Homework:

1. Learn by heart all the new words and structure
2. Prepare period 9 page 86,87

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

3. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I:	1. 2. 3.
Mục II:	

4. Một số lưu ý

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Thầy Phước: 0985366733. Thầy Chuẩn: 0376791259. Cô Đào: 0978906973

Cô Đào: 0978906973. Cô Duyên: 0988658549. Cô Quyên: 0976014868

Hoặc gửi lại cho người phát tài liệu.

WEEK: 03

PERIOD: 9

UNIT 1: HOME

PAGE 14

*** Grammar:**

- Review Present Simple Tense

*** Answer the questions:**

Look at the picture and answer



Key: make breakfast, do the shopping, village, do the dishes, do the laundry, apartment, garage, balcony

Listening trang 86 talk between Jack and his friends about his family. Check the housework his family members do.

Answer:

1. A
2. F
3. G
4. E
5. B

Report the housework each family member in Jack's family does (Thuật lại hoạt động những thành viên làm

Example:

1. Jack's mother does the laundry
2. His father does the shopping
3. His sister

Đọc và hoàn thành câu hỏi phần reading trang 86

Answer: 1.B 2.C 3.A 4.B 5.C

Vocabulary trang 87

Answer:

2. West

3. Dinner

4. Village

5. Yard

Bài tập Grammar trang 87

Gạch dưới những lỗi sai và sửa

2. Have → has

3. Cleaning → clean

4. Do → does

5. Does → do

6. Making → make

7. Is → are

III. Homework:

Learn by heart all the new words and structure

Prepare period 10 page 14

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

a) Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I:	1. 2. 3.
Mục II:	

b) Một số lưu ý

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Thầy Phước: 0985366733. Thầy Chuẩn: 0376791259. Cô Đào: 0978906973

Cô Đào: 0978906973. Cô Duyên: 0988658549. Cô Quyên: 0976014868

Hoặc gửi lại cho người phát tài liệu.